SỞ KH&CN TỈNH GIA LAI **TRUNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35 /QĐ-TTCĐS	*Gia Lai, ngày 12 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Công khai dự toán ngân sách năm 2026

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 16a/QĐ-SKHCN ngày 09/02/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổng hợp và Tư vấn dịch vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của Trung tâm Chuyển đổi số *(Kèm theo biểu mẫu đính kèm).*

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổng hợp và Tư vấn dịch vụ, Trưởng các phòng chuyên môn và viên chức, người lao động của Trung tâm Chuyển đổi số chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Sở KH&CN (b/c); - Lãnh đạo Trung tâm; - Phòng QLKTDL (đăng Web); - Lưu VT, THTVDV.	**GIÁM ĐỐC** SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH GIA LAI TRUNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ **Đinh Hùng Tuấn**

Đơn vị: Trung tâm Chuyển đổi số *Biểu số 2*
Mã chương: 417

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 35 /QĐ-TTCĐS ngày ...12.../ ..02.../2026 của Trung tâm Chuyển đổi số)

ĐV T: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**1.720.269.000**
1	**Chi sự nghiệp Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	**1.720.269.000**
a	**Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên (Nguồn 13)**	**1.412.400.000**
	Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên	*1.412.400.000*
b	**Chi nghiệp vụ (Nguồn 12)**	**307.869.000**
-	*Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP*	*307.869.000*
II	**Sử dụng nguồn CCTL tại đơn vị**	**1.477.000.000**
1	**Chi sự nghiệp Kinh tế**	**1.477.000.000**
	Nguồn CCTL	*1.477.000.000*